

## NGHIÊN CỨU CỤ THẠCH Ở VIỆT NAM VÀ ĐÔNG NAM Á

LÂM THỊ MỸ DUNG<sup>(\*)</sup>

### 1. DI TÍCH CỤ THẠCH VÀ TÌNH HÌNH PHÁT HIỆN, NGHIÊN CỨU CỤ THẠCH Ở ĐÔNG NAM Á

*Cụ thạch* là tên gọi dùng để chỉ những di tích dùng các tảng đá lớn để dựng thành kết cấu, có thể là di tích đơn lẻ hay di tích phức hợp. Trong ngôn ngữ một số nước châu Âu, người ta dùng *megalith* để chỉ cụ thạch. Nó có nghĩa là làm từ những tảng đá, nhưng sử dụng cơ chế tự khóa mà không sử dụng vữa hay các chất kết dính nào khác. Từ *Megalith* có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp cổ *Megas* nghĩa là *lớn* và *lithos* nghĩa là *đá*.

Có nhiều cách phân loại cụ thạch, cách phân loại truyền thống chỉ gồm ba đến bốn loại như Trác thạch, Trường thạch và Hoàn thạch. Theo Heine Geldern (1945:148) cụ thạch gồm: Menhir (đá thẳng-trường thạch); Dolmen (mộ đá-trác thạch); Stone cits (hòm đá-mộ); Stone jar (chum đá); Stone sarcophagus (quách đá); Stone sculpture (tượng đá lớn); Stone bend (cầu đá ở biển); Stone wall (tường đá); Stone stair (bậc thang đá); Stone bathing place (vũng tắm bằng đá) Cairn (ụ đá hình tháp), Terrace (thềm đá) và Stepped Pyramid (kim tự tháp đá có bậc). Nhìn chung có hai nhóm ý nghĩa của cụ thạch, rộng và hẹp.

Niên đại: Cụ thạch được dựng ở hầu khắp

mọi nơi trên thế giới từ thời tiền sử đến tận ngày nay. Những di tích cụ thạch sớm nhất tìm thấy ở Tây Âu có niên đại lên tới khoảng 7 nghìn năm cách ngày nay, một số cụ thạch có niên đại từ thời kỳ lịch sử và một số khác trong thời cận, hiện đại. Nhiều cụ thạch đã trở thành di tích lịch sử, song nhiều cụ thạch vẫn đóng vai trò nào đó trong giai đoạn hiện nay.

Chức năng: Theo những nghiên cứu mới nhất, độ đa dạng về chức năng của cụ thạch tỉ lệ thuận với loại hình cụ thạch. Tuy vậy, một cách khái quát ta có thể xếp chúng thuộc vào một, hai hay cả năm nhóm chức năng lớn: Tưởng niệm-kỷ niệm, tâm linh-tôn giáo, chôn cất, thiên văn, cạnh tranh-uy quyền. Cụ thạch do đa chức năng như vậy nên việc diễn giải loại hình di tích này còn rất nhiều ý kiến. Vấn đề thường được các nhà nghiên cứu quan tâm đó là các cấu trúc xã hội gắn với cụ thạch, đặc biệt trong thời tiền, sơ sử. Ở Đông Nam Á, theo các nhà nghiên cứu, cụ thạch được dựng lên với chức năng là các di tích mộ táng hay là biểu tượng quyền lực và uy tín của thủ lĩnh (Người đứng đầu) và gắn với xã hội dạng lãnh địa.

Ý tưởng về dạng mộ táng hay giai đoạn văn hóa cụ thạch ở Đông Nam Á và rộng hơn là trong phạm vi miền Nam và miền Đông của châu Á đã được nhiều nhà nghiên cứu thảo luận (Byung-mo Kim- chủ biên 1982). Cụ thạch được dùng để gọi những thanh

<sup>(\*)</sup> Phó Giáo sư, tiến sĩ. Bảo tàng Nhân học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội.

hay tảng đá lớn, đôi khi có chạm khắc dùng để dựng thành cấu trúc với chức năng như di tích mộ táng hay di tích đánh dấu địa vị thủ lĩnh. Một trong những điển giải sớm nhất là của R. Heine-Geldern, đó là ý tưởng về văn hóa cự thạch - giai đoạn văn hóa sớm từ thời đại Đá mới (thiên niên kỷ II BC) với những di tích tìm thấy ở Nias, Flores, Sumba và miền Bắc Luzon. Những phong cách nghệ thuật phân biệt chúng với những dạng cự thạch ở miền Trung Borneo, miền Trung Sulawesi và Batak ở Sumatra - những dạng được xem là có tính nghệ thuật hơn và bắt nguồn từ văn hóa Đông Sơn, chúng ảnh hưởng trực tiếp đến nghệ thuật Indonexia sau này. Bellwood cho rằng những cự thạch có nguồn gốc Nam Đảo, ít nhất từ thiên niên kỷ I trước công nguyên và kéo dài đến thời kỳ lịch sử (Bellwood, 1997, tr. 153). Cự thạch phổ biến trong những nhóm cư dân ngữ hệ Nam Đảo nhưng những di tích cự thạch điển hình lại ít gặp ở Đông Nam Á lục địa.

Với tư liệu hiện nay, khó có thể chấp nhận quan niệm về một giai đoạn văn hóa cự thạch tồn tại một cách độc lập ở Đông Nam Á. Tuy vậy, có thể thấy rằng cự thạch ở Đông Nam Á, đặc biệt là Đông Nam Á hải đảo được xây dựng và sử dụng trong nhiều giai đoạn lịch sử với nhiều loại hình đa dạng và có thể thuộc về một trong hai truyền thống: 1) Truyền thống cự thạch quá khứ và 2) Truyền thống cự thạch hiện tồn. Tại nhiều khu vực ở Indonesia, Malaysia và ngay cả ở Ấn Độ, cư dân vẫn thực hiện những nghi lễ tại các cự thạch và có nhiều câu chuyện dân gian liên quan đến những di tích này.

## 2. CỤ THẠCH VIỆT NAM

Các di tích cự thạch ở Việt Nam có thể thuộc phức hệ cự thạch Tây Thái Bình Dương, trải dài từ Nhật Bản, bán đảo Triều Tiên xuống toàn bộ khu vực Đông Nam Á.

Tại Việt Nam di tích cự thạch đã được phát hiện tại Hàng Gòn (Đồng Nai), Đông Phố (Quảng Ngãi), Chư Pa (Gia Lai), Hưng Yên (Nghệ An), Vũ Xá (Bắc Giang), núi Lạn Kha (Bắc Ninh), Bản Thành (Cao Bằng), Nấm Dầu (Xín Mần, Hà Giang) và gần đây là cụm di tích trên núi Mẫu Sơn và Chóp Chài (Lạng Sơn), Tả Van Giáy (Lào Cai), Sóc Sơn (Hà Nội)... Trừ 3 di tích Hàng Gòn, Mẫu Sơn, Tả Van Giáy, những địa điểm còn lại đều chưa được khai quật. Trong tất cả các di tích cự thạch kể trên, chỉ có di tích Hàng Gòn đã có một số tư liệu khảo cổ khả dĩ để định niên đại, còn lại đều rất khó đoán định. Những cự thạch phát hiện được cho đến nay ở nước ta chủ yếu thuộc loại hình Dolmen (Trác thạch).

Nhìn chung, loại hình di tích cự thạch ở Việt Nam mới bắt đầu được nghiên cứu và công việc chủ yếu dừng lại ở ghi nhận, khảo tả sơ bộ từng di tích cụ thể, hàng loạt các vấn đề như chủ nhân, nguồn gốc, chức năng, phân loại loại hình... đang cần có sự đầu tư sâu rộng cả về tiền của và chất xám. Dưới đây chúng tôi điểm qua một vài di tích đã được khai quật và nghiên cứu bước đầu.

### 2.1. Cự thạch Tả Van Giáy

Địa điểm Tả Van Giáy thuộc thôn Tả Van Giáy, xã Tả Van, huyện Sapa, tỉnh Lào Cai gần bãi đá cổ Sapa nổi tiếng. Tọa độ của di tích:  $22^{\circ}18'070''$  vĩ độ bắc và  $1.03^{\circ}53'126''$  kinh độ đông, độ cao so với mực nước biển dao động từ 1.078 đến 1084m. Độ cao này

tương đương với độ cao của di tích cự thạch Mẫu Sơn, Lạng Sơn.



Địa điểm Tủ Van Giáy

Kết quả khai quật cho thấy có 07 thanh đá lớn hình chữ nhật không chuẩn, kích thước khá bằng nhau có mặt xuất lộ phẳng, mặt kia không thể quan sát hết song có lẽ khá phẳng. Trong 7 thanh đá này, có 02 đã bị trượt xuống phía dưới. 01 thanh (số VI) đã bị vỡ chéo cạnh thành hai mảnh, 01 thanh khác (số VII) trượt xa hơn xuống phía dưới và nằm sát mộ xếp đá. Theo cư dân địa phương, phiến đá này vốn nằm ở phía trên và do đợt sạt lở cách đây ba năm đã bị trôi xuống đó. Năm thanh đá nằm sát nhau gần theo hình dẻ quạt, ngay trên bề mặt đá gốc và trên sườn khá dốc, đất phía dưới các thanh đá và cả trong hố đều không chứa bất cứ hiện vật nào. Đầu của các thanh I, II, III, IV đều có hình vòng cung, thanh số V, hai đầu khá bằng. Kích thước các thanh đá như sau:

Thanh I: 306 x 80 x 25 cm

Thanh II: 340 x 82 x 36 cm

Thanh III: 320 x 82 x 36 cm

Thanh IV: 240 x 95 x 30 cm

Thanh V: 130 x 55 (60) x 28 cm (chiều rộng đo ở cả hai đầu)

Thanh VI: 150 x 40 x 30 cm (bị trượt xuống dưới)



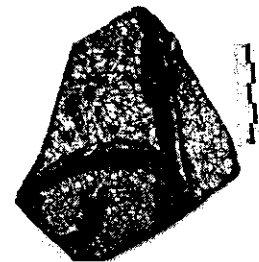
Thanh VII (số đo được, vì một phần vẫn ăn vào mộ): 140 x 80 x 26 cm - thanh này có lẽ có cùng kích thước với thanh số I.

Như vậy kích thước của các thanh I, II, III và VII là tương tự nhau, thanh V, VI khá bằng nhau riêng thanh số IV có chiều dài nằm giữa hai nhóm trên.

Các thanh đá này không còn tại chỗ nguyên ban đầu (*In situ*), chúng đã bị trượt dần dần từ trên xuống. Xét theo địa hình, có thể thấy những thanh đá này nếu thuộc cấu trúc cự thạch nào đó thì cũng khó mà nằm ở vị trí lưng chừng sườn đồi như hiện nay. Có lẽ vốn chúng ở trên đỉnh đồi cao song khá phẳng, rộng và nhìn thấy từ xa, qua nhiều lần trượt đã dịch chuyển đến vị trí hiện nay.

Trong thời gian khai quật, các nhà nghiên cứu đã tiến hành khảo sát khu vực xung quanh di tích và đã phát hiện được 01 mảnh đáy của lon sành và 01 mảnh thạp gốm hoa nâu (Thời Trần).

Nơi tìm thấy những mảnh sành gốm này cách các phiến đá cự thạch khoảng 20m về phía đông nam, cạnh khe nước chảy.



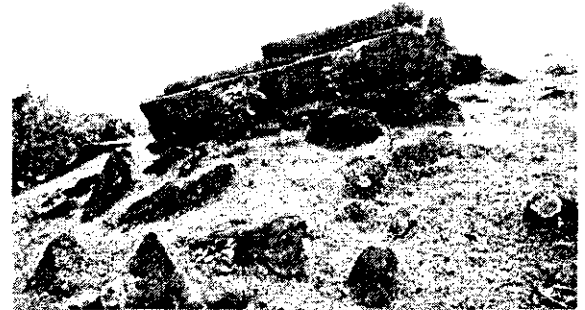
Cư dân địa phương cũng đã thu lượm một số hiện vật trong khu vực. Đó là 01 chân quỳ bằng đồng của một đỉnh (?) nhỏ, trên có trang trí mặt người (khả năng lớn là mặt hổ phù cách điệu), tay cầm hay quai tạo hình kim nghệ thường được gắn trên miệng hay thân của đỉnh hoặc lư hương bằng đồng. Kim nghệ có tư thế uốn lượn, xung quanh trang trí hoa văn hình sóng nước, đuôi tạo thành hình lá đề. Kích thước: dài 0,9m, dày 0,5cm. Cả hai hiện vật nói trên đều gắn với những đồ nghi lễ-đồ thờ cúng, niên đại có thể thuộc thời Nguyễn muộn. Tuy vậy, tương tự như những mảnh gốm sành nói trên, không thể xác định chính xác mối quan hệ của chúng với những thanh đá lớn Tả Van Giáy.

Do thiếu rất nhiều dữ liệu cần thiết để đưa ra những kết luận hợp lý về khoa học, chúng tôi giả thiết rằng, những thanh đá có kích thước lớn ở Tả Van Giáy đã từng được sử dụng một cách có chủ ý và có liên quan tới một trong những lớp cư dân từng sinh sống trong khu vực (*khả năng gắn với lớp cư dân Tày-Thái xét về lôgic thì lớn hơn cả*). Những thanh đá này chứa ý tưởng cự thạch và mang nhiều chức năng khác nhau, trong đó chức năng mộ-thờ cúng và chứng tỏ quyền uy có thể là chức năng chính. Di tích đá có kích thước lớn ở Tả Van Giáy không thể tồn tại một cách đơn lập, nó có liên hệ nhất định với bãi đá cổ Sapa và với những di tích đồng loại khác vừa phát hiện trong khu vực (*có thể tham khảo một số di tích ở châu Á như phức hợp di tích đá Yoshinogari, Ashizuri Cape (Nhật Bản), Cảnh đồng chum Xiêng Khoảng (Lào), Sumba (Indonexia...)*) và với những di tích tương tự nằm dọc hai bên biên giới Việt

Trung. Có thể nói đây là một phức hợp di tích sử dụng đá có kích thước lớn tự nhiên có con người gia công thêm vào cho nhiều mục đích khác nhau. Niên đại khởi dựng và tồn tại của di tích không thể xác định được một cách chính xác trong tình hình tư liệu hiện nay, có nhiều khả năng di tích được hình thành trong thời trung đến cận đại.

## 2.2. Cự thạch Mẫu Sơn và Chóp Chài (Lạng Sơn)

Tại Chóp Chài còn một số thanh đá lớn nằm trên đỉnh một đồi khá bằng phẳng. Những đá này có kích thước lớn và hình gần chữ nhật, không thấy dấu vết chế tác. Không rõ cấu trúc ban đầu của di tích.



*Cự thạch Chóp Chài*

Tại Mẫu Sơn, bên cạnh vết tích của ngôi đền thờ thế kỷ XIX xây dựng vào cuối thế kỷ XIX có một số hầm mộ đá (dolmen), trong số đó có hai hầm mộ còn thấy được cấu trúc rõ ràng. Đáng chú ý là ở hầm mộ nhỏ còn thấy vết tích gia cố gắn nắp che mộ bằng vữa vôi. Khu vực xung quanh còn nhiều tảng đá lớn nằm thành từng cụm hay đơn lẻ. Một số tảng có dấu vết chế tác, có thể đây là nơi khai thác nguyên liệu để dựng ngôi đền cổ.

Mẫu Sơn đã được khai quật năm 2003, kết quả khai quật không cung cấp cho chúng ta

những tư liệu (hiện vật khảo cổ) định niên đại, hiện vật tìm được quanh đây đa phần có niên đại rất muộn (thế kỷ XIX). Niên đại được những người khai quật đưa ra là thế kỷ X-XII dựa vào so sánh loại hình, chất liệu với những di tích cự thạch ở Bắc Giang, Bắc Ninh (Sở Văn hóa Thông tin Lạng Sơn, 2004, tr. 31). Cũng xin lưu ý rằng, niên đại của các di tích ở Bắc Giang và Bắc Ninh cũng hoàn toàn dựa trên suy đoán. Do vậy, chưa thể xác định được niên đại của những di tích cự thạch Lạng Sơn.

### 2.3. Cự thạch Nấm Dần (Xín Mần, Hà Giang)

Hai cự thạch nằm trong thung lũng giữa một bên là dãy núi Tây Đản nằm ở phía Bắc và dãy núi đồi Nấm Dần nằm ở phía Nam. Trong thung lũng này có nhiều đá có vết khắc. Hai di tích cự thạch được phát hiện trong nhóm đá này.

Di tích thứ nhất được cấu tạo bởi một tấm đá phiến magma biến chất (tấm trần), không có hình khối xác định, dài 2,3-2,4m, rộng 1,0-1,10m, dày 0,35-0,40m, hai bề mặt khá phẳng không có dấu vết gia công. Tấm này được kê trên một tảng đá to ở dưới bằng ba khối đá nhỏ hơn xếp theo kiểu chân kiềng. Chính sự tác động của con người vào cách sắp đặt lại cấu trúc các tảng đá theo chủ đích nhất định đó khiến nó phân biệt hẳn với các tảng đá tự nhiên khác (theo ý kiến của Trình Năng Chung). Vấn đề niên đại tuy vậy chưa được người phát hiện đề cập đến.

Di tích thứ hai nằm gần di tích thứ nhất, có cấu trúc tương tự nhưng kích thước của tấm trần bên trên có khác so với di tích thứ nhất. Theo Trình Năng Chung đây là loại hình dolmen và có nhiều nét tương tự với dolmen Hòa An (Cao Bằng) và Nà Hang (Tuyên Quang).

### 2.4. Cự thạch ở Sóc Sơn.

Tại huyện Sóc Sơn, Đoàn nghiên cứu khảo cổ học 1000 năm Thăng Long-Hà Nội của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Đại học Quốc gia Hà Nội đã phát hiện 02 trác thạch còn khá nguyên vẹn và một loạt những dấu tích của trác thạch. Đáng chú ý là trên những mặt đá của trác thạch đều có những vết mài. Quanh những di tích này không có hiện vật hay vết tích văn hóa khảo cổ nào khả dĩ giúp xác định niên đại.



Những vết mài gợi ý cho chúng tôi về khả năng đây là những di tích có liên quan đến hoạt động thờ cúng hay nghi thức nào đó của cư dân. Tại Java có một loại di tích đá có lỗ nghiêng gào được xem là có liên quan đến phồn thực và dùng để thực hiện nghi lễ.

### 3. MỘT SỐ NHẬN XÉT

Được tìm thấy ở mọi vùng trên trái đất, cự thạch có ý nghĩa đá lớn thể hiện những ước vọng của con người - cạnh tranh thế lực, quyền lực, tiền bạc, của cải, sức mạnh...

Cự thạch (cụ thể là loại Dolmen - trác thạch) được dựng để tưởng niệm một nhân vật có thế lực nào đó khi mất đi. Do đó kích thước của tảng đá tỉ lệ thuận với sự giàu có của gia đình người chết và uy thế của người đó khi còn sống. Nghịch lý của cự thạch là nhiều người dựng cự thạch, song chỉ có vài người được chọn để chôn trong đó.

Có thể dùng tài liệu về cự thạch ở Đông Nam Á để nghiên cứu so sánh những di tích sử dụng đá có kích thước lớn phát hiện nhiều trong những năm gần đây ở Việt Nam. Theo các tài liệu đã công bố, cự thạch ở Indônexia gồm ba nhóm: Mộ đá, đá đơn và công trình phức hợp. Mộ đá được xác định qua xương người và đồ tùy táng, đá đơn có liên hệ với nghi lễ, nghi thức tôn giáo, các công trình dựng bằng đá là những cấu trúc được làm từ một số đá tảng hay thanh đá có liên quan đến ý tưởng cự thạch (Megalithic Ideas). Ý tưởng cơ bản của những công trình bằng đá này là thờ cúng tổ tiên. Hiện nay, tại các khu vực như Nias, Toraja và Sumba, người ta vẫn tiếp tục dựng những công trình bằng đá có kích thước lớn.

Các di tích cự thạch phát hiện từ trước cho tới nay ở Việt Nam chủ yếu được dựng ở những vùng rừng, đồi, gò, tách biệt khỏi các khu dân cư và dễ quan sát từ khoảng cách xa. Người xưa đã tận dụng đá tự nhiên để sắp xếp theo ý đồ, chúng ta mới chỉ phát hiện được ở một vài nơi những dấu tích liên quan đến chế tác hay chuyên chở nguyên liệu đá từ những nơi khác đến.

Tương tự như ở một số nước châu Á, di tích cự thạch ở Việt Nam không tồn tại một cách đơn lập mà thường theo tập hợp có nhiều chức năng khác nhau và có nhiều dạng từ trác thạch, trường thạch đến phiến đá thẳng có chạm khắc... Tuy vậy, loại hình phổ biến nhất vẫn là trác thạch.

Tất cả các di tích cự thạch Việt Nam đều đã thuộc vào *truyền thống cự thạch quá khứ*, mặc dù một số di tích vẫn được cư dân bản địa thờ cúng, nhưng trên thực tế, những di tích này đã mất đi chức năng ban đầu của

chúng và những lớp cư dân hiện nay hầu như không còn biết gì về chức năng sơ khởi cũng như niên đại của những di tích đá có kích thước lớn này và họ đã đưa vào đó những nội dung cũng như diễn giải riêng. Nói cách khác, chúng ta khó có thể tìm kiếm được những tài liệu dân tộc học khảo cổ và dân tộc học thích hợp. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là nghiên cứu cự thạch không cần dùng những phương pháp thu lượm, điều tra tổng hợp và liên ngành. Một cách làm phổ biến hiện nay là tìm kiếm mối quan hệ giữa những di tích này với các truyền thuyết về thủ lĩnh địa phương và quá trình hình thành các lãnh địa (Byung-mo Kim- chủ biên 1982, tr. 182-187. Hình 5).

Di tích cự thạch Việt Nam được dựng sớm nhất (tài liệu hiện có cho đến nay) từ thời điểm cận kề công nguyên và kéo dài có lẽ tới thời trung, cận đại. Việc sắp/dựng và khai thác những di tích này liên quan chặt chẽ tới: i) Tâm lý ưa chuộng “chất vĩ đại” và mong muốn tỏ rõ chất này của những thế lực quyền uy địa phương; ii) Tính chất hỗn dung nhiều lớp tín ngưỡng vật linh của cư dân và iii) Tiếp xúc và giao lưu, hội nhập nhiều lớp/luồng văn hóa...

Trong tất cả những cự thạch đã được phát hiện ở Việt Nam, chỉ có di tích ở Mẩu Sơn là có cấu trúc tương tự như cự thạch Hàng Gòn nhưng có kích thước nhỏ hơn rất nhiều và niên đại chưa thể xác định rõ ràng.

Trong những di tích cự thạch đã biết ở Đông Á và Đông Nam Á, cự thạch Hàng Gòn có kích thước lớn nhất và được xây dựng quy chuẩn nhất. Có thể thấy cự thạch là loại di tích biểu trưng cho những xã hội dạng lãnh địa và đánh mất vai trò của mình

khi xuất hiện nhà nước với cấu trúc chính quyền trung ương hay nhà nước cấu trúc theo mô hình ngoại nhập. Cụ thạch ở Việt Nam có thể có hai giai đoạn hình thành và phát triển. Giai đoạn sớm (sơ sử) gắn với sự hình thành lãnh địa và giai đoạn muộn (lịch sử cổ, trung đại) gắn với sự cát cứ địa phương và chế độ tù trưởng hay thủ lĩnh của các cộng đồng dân tộc ít người. □

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Byung-mo Kim (Chủ biên). 1982. *Megalithic Cultures in Asia*. Hanyang University Press. Seoul.
2. Bellwood Peter. 1997. *Prehistory of the Indo-Malaysian Archipelago*. 2<sup>nd</sup> ed.

Honolulu University Press. Honolulu.

3. Heine Geldern, R.von. 1945. "Prehistoric research in the Netherland Indies" *Science and Scientist in the Netherland Indies*. New York: Board for Netherland Indies, Surinam and Curacao.
  4. Lâm Mỹ Dung và Đoàn khai quật. *Báo cáo kết quả khai quật Tả Văn Giáy* (Lào Cai). Tư liệu Bảo tàng Nhân học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội.
  5. Sở Văn hóa Thông tin Lạng Sơn. 2004. *Báo cáo khoa học Kết quả nghiên cứu, khai quật khu di tích Mẫu Sơn*. Lạng Sơn.
- Chú thích: Ảnh sử dụng trong bài là của tác giả.

(Tiếp theo trang 68)

quan về các thành phần dân tộc ít người ở tỉnh Đồng Nai và thực trạng kinh tế, văn hóa-xã hội của người Chơ-ro (Báo cáo chuyên đề).

10. Viện Dân tộc học. 2006. *Thông báo Dân tộc học*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

11. Viện Nghiên cứu chính sách dân tộc và miền núi. 2002. *Vấn đề dân tộc và định hướng chính sách dân tộc trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.